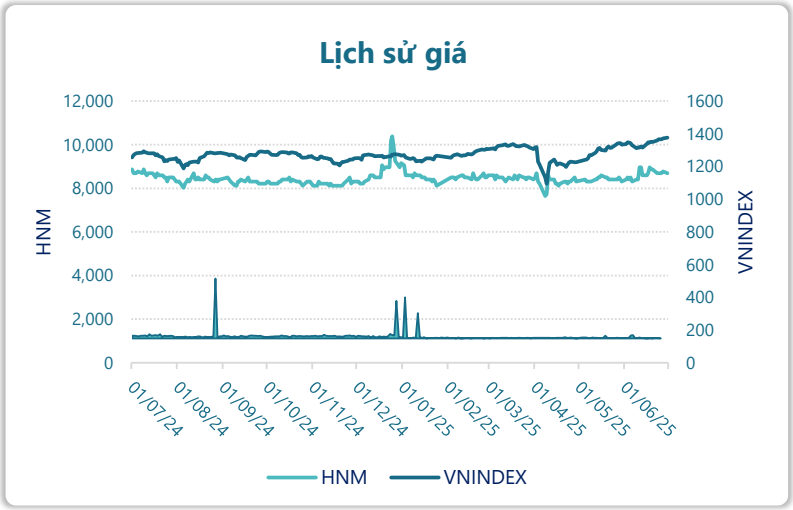
FireAnt

CTCP Sữa Hà Nội (UPCOM: HNM)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,382
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,645
SL cổ phiếu LH	44,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	457,215
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	408
P/E	15.1
EPS	611

DT thuần

Q2/25

182

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -5.0%

YoY: ▲ 3.00| 1.9%

LN sau thuế

Q2/25

5.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.07| -38.1%

YoY: ▼4.48| -47.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.2%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

6T 2025

375

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.0| 20.6%

LN sau thuế

6T 2025

13.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.40| -15.8%

ROE

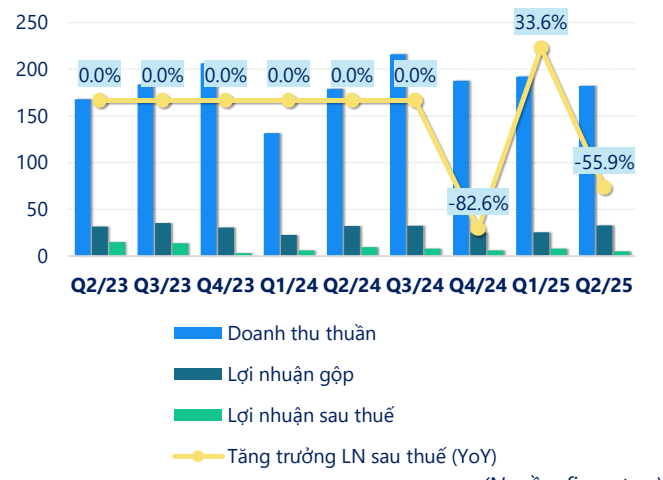
Q2/25

5.7%

+/- YoY: ▼ 4.2%

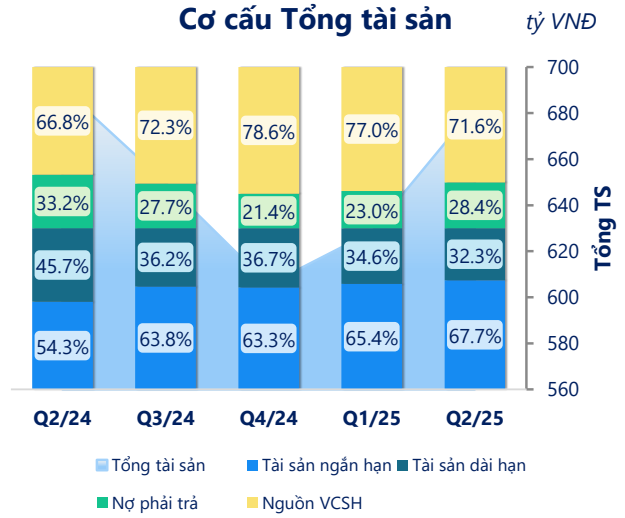
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



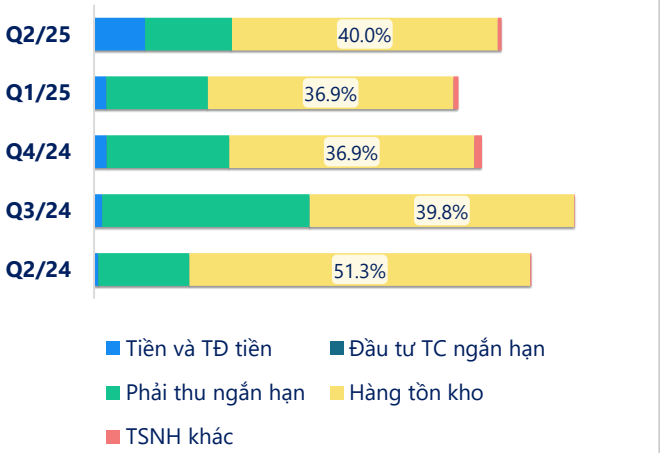
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



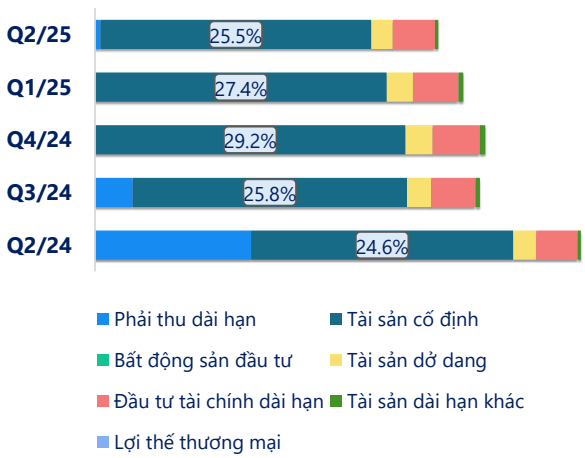
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



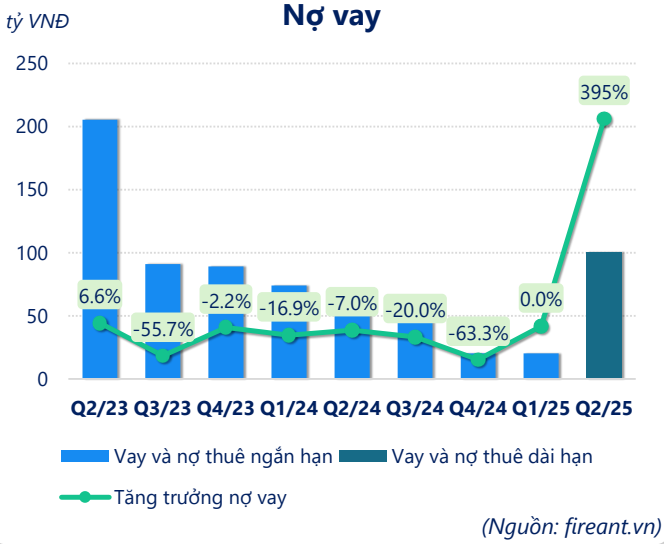
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



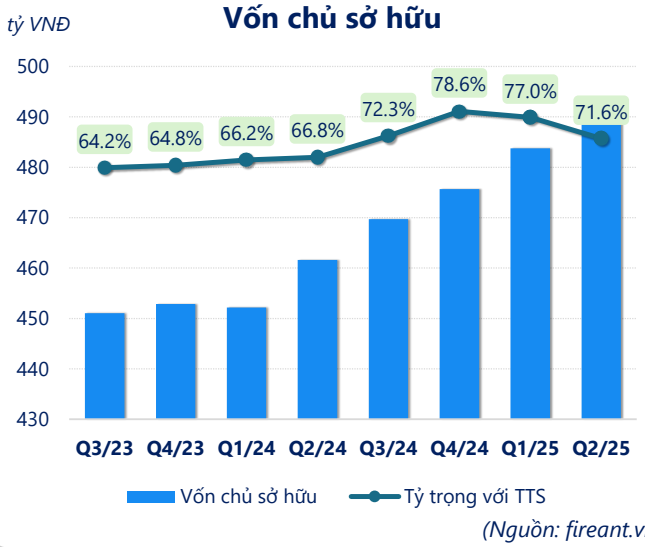
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



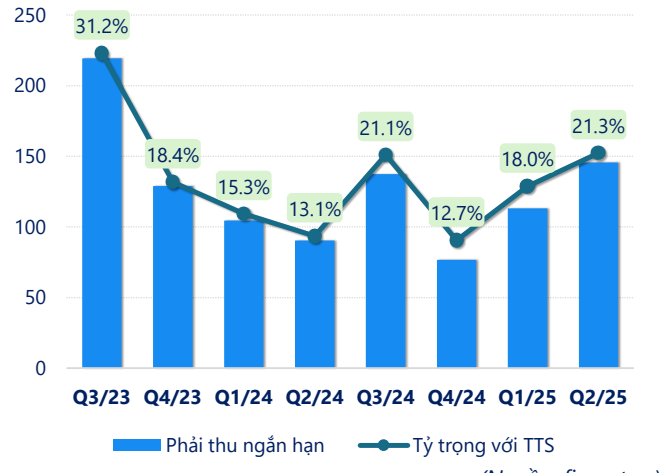
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



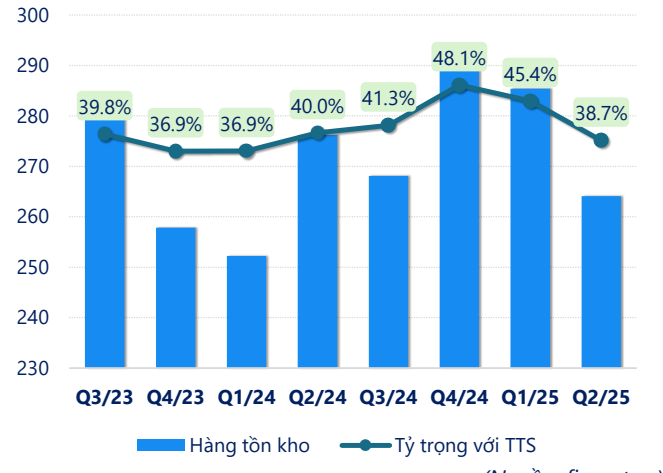
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



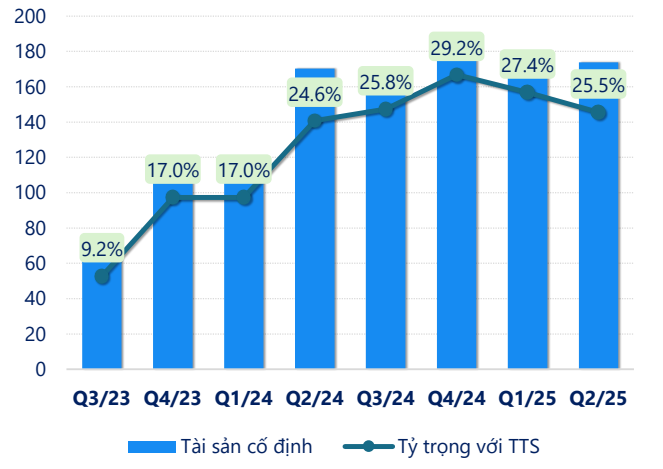
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



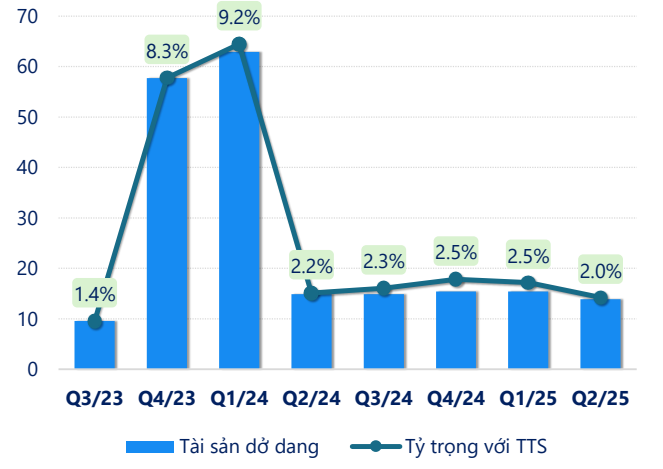
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



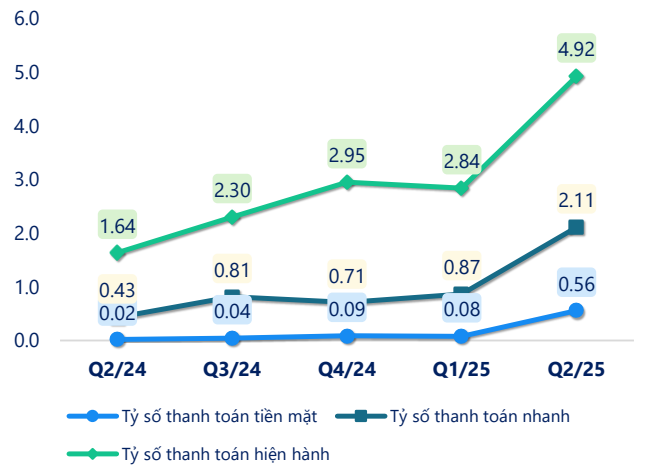
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



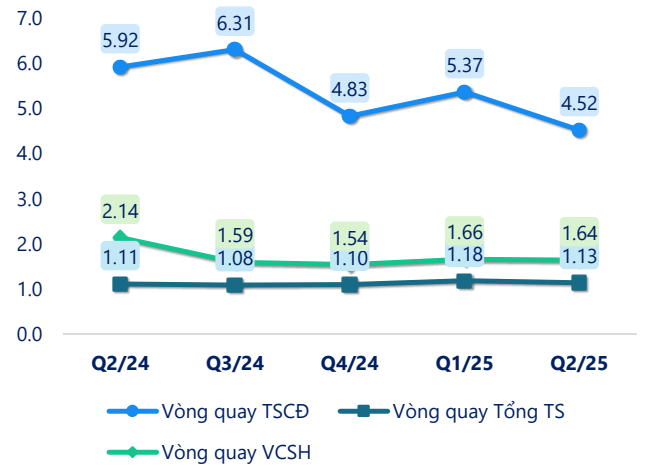
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**691**	**650**	**606**	**628**	**683**
Tài sản ngắn hạn	**375**	**415**	**383**	**411**	**462**
Tiền và tương đương tiền	4.44	8.07	11.5	11.6	52.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.03	0.01	0.01	0.01	0.01
Phải thu ngắn hạn	90.4	137	76.7	113	146
Hàng tồn kho	276	268	291	285	264
Tài sản ngắn hạn khác	4.19	1.01	3.74	0.64	0.28
Tài sản dài hạn	**316**	**235**	**222**	**218**	**220**
Phải thu dài hạn	101	23.0	0	0.03	3.52
Tài sản cố định	170	168	177	172	174
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.9	14.9	15.4	15.4	13.9
Đầu tư tài chính dài hạn	27.0	27.0	27.0	27.0	27.0
Tài sản dài hạn khác	2.06	2.70	3.06	2.73	2.22
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**229**	**180**	**130**	**145**	**194**
Nợ ngắn hạn	**229**	**180**	**130**	**145**	**93.9**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	68.8	55.0	20.2	20.2	0
Phải trả người bán ngắn hạn	76.7	50.3	43.2	55.7	63.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	100
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	100
Nguồn vốn chủ sở hữu	**462**	**470**	**476**	**484**	**489**
Vốn chủ sở hữu	**462**	**470**	**476**	**484**	**489**
Vốn điều lệ	444	444	444	444	444
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)